ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4711 /UBND-TH V/v báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/6/2017 và giải ngân vốn đầu tư công 7 tháng đầu năm 2017	*Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 8 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7006
Ngày: 07/8/17
Chuyển: .....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 5836/BKHĐT-TH ngày 18/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/6/2017 và giải ngân vốn đầu tư công 7 tháng đầu năm 2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. Về tình hình thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ

1. Về triển khai quán triệt Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg, ngày 23/6/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 3784/UBND-TH quán triệt đến các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của năm 2017, phấn đấu đạt 6,7% và tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt từ 1,0-1,2%.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện trong thời gian đến

a) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp

(1) Hỗ trợ, tạo điều kiện nhà đầu tư triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, như: dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, dự án Khu đô thị Công nghiệp – Dung Quất, dự án nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, các dự án trong Khu VSIP, các dự án bất động sản,...

(2) Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp sản xuất nông sản sạch, công nghệ cao, có thương hiệu mạnh; thành lập bộ phận chuyên trách ở cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tổ chức sản xuất nông sản sạch, nông sản hữu cơ.

(3) Đẩy mạnh và nâng cao các chỉ số về cải cách hành chính (PAR

INDEX), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), quản trị hành chính công (PAPI) và mức độ hài lòng của người dân (SIPAS). Trong đó, nền tảng là tập trung cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, thuế, xây dựng...

(4) Hoàn thiện, ban hành thủ tục liên quan đến đất đai nhằm rút ngắn thời gian, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận đất đai.

(5) Tổng kết, đánh giá cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp"; chọn ý tưởng, kêu gọi đầu tư các ý tưởng đạt giải...

(6) Chủ động, phối hợp với các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh tổ chức các đoàn xúc tiến, kêu gọi đầu tư tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hoa Kỳ...; phối hợp với Công ty VSIP tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2017 tại Quảng Ngãi; chủ động gặp gỡ, tiếp cận với một số nhà đầu tư lớn để kêu gọi đầu tư vào tỉnh.

b) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017

Từ đầu năm đến nay, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản[1] chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Tính đến cuối tháng 7/2017, giải ngân trên địa bàn tỉnh đạt 42,3% kế hoạch vốn được giao. Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư tổ chức trực báo, kiểm tra hiện trường, đôn đốc các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp, phấn đấu đến ***31/01/2018*** giải ngân hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao.

Đối với các dự án chuyển tiếp hiện nay còn vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND tỉnh đã chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung tháo gỡ. Đối với các dự án khởi công mới, khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục để sớm khởi công công trình, trong đó có các dự án lớn như: cầu Cửa Đại; Kè chắn cát cảng Dung Quất giai đoạn 2; Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa...

UBND tỉnh đang xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương (lần 1), đơn vị, địa phương nào bị điều chuyển vốn, giải ngân chậm tiến độ thì người đứng đầu tư sẽ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Phấn đấu đạt chỉ tiêu GRDP năm 2017 và huy động vốn đầu tư toàn xã hội

c1) Về thúc đẩy sản xuất công nghiệp

---

[1] Công văn số 2431/UBND-TH ngày 27/4/2017; Công văn số 3096/UBND-TH ngày 26/5/2017; Công số 3784/UBND-TH ngày 23/6/2017; Công văn số 3953/UBND-TH ngày 30/6/2017; Công văn số 4154/UBND-TH ngày 12/7/2017.

7 tháng đầu năm 2017, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 55% kế hoạch, trong đó công nghiệp lọc hóa dầu đạt 54,95% kế hoạch, công nghiệp ngoài dầu đạt 55,20% kế hoạch.

Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài dầu chiếm bình quân khoảng 22% giá trị sản xuất công nghiệp, trong đó các sản phẩm của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi chiếm khoảng 45%, sản phẩm cơ khí của Công ty Doosan Vina chiếm khoảng 13%, sản xuất và chế biến gỗ chiếm khoảng 13%, các sản phẩm còn lại chiếm 29%.

Trong 5 tháng cuối năm, UBND tỉnh sẽ tổ chức các Đoàn công tác làm việc với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhằm khuyến khích các doanh nghiệp phấn đấu sản xuất, tăng năng suất đối với các sản phẩm: Đường, bánh kẹo, nước ngọt, nước khoáng, sản phẩm cơ khí, các sản phẩm điện tử, xơ sợi... để bù đắp giá trị sản xuất của 7 tháng đầu năm, hoàn thành kế hoạch năm được giao.

c2) Về thúc đẩy phát triển dịch vụ

6 tháng đầu năm 2017, giá trị sản xuất dịch vụ đạt 47,5% kế hoạch. Đối với ngành dịch vụ giá trị sản xuất chiếm 14% tổng giá trị sản xuất nhưng giá trị tổng sản phẩm lại chiếm 30% GRDP. Do vậy, việc thúc đẩy tăng giá trị sản xuất ngành dịch vụ sẽ góp phần quan trọng trong việc hoàn thành chỉ tiêu GRDP năm 2017 từ 1-1,2%.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị từ nay đến cuối năm tập trung: (1) Tháo gỡ và tạo điều kiện cho các dự án bất động sản triển khai và bán các sản phẩm ra thị trường cho người tiêu dùng như: Khu đô thị VSIP, An Phú Sinh, Ngọc Bảo Viên...; (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá để thu hút khách du lịch đến tham quan, du lịch, lưu trú trên địa bàn tỉnh, nhất là du lịch đảo Lý Sơn; (3) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận cho các doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm: Dăm gỗ, tinh bột mỳ, sản phẩm cơ khí, xơ, sợi dệt các loại... nhằm hoàn thành và vượt chỉ tiêu xuất khẩu 345 triệu USD trong năm 2017.

d) Về nhiệm vụ huy động vốn đầu tư toàn xã hội

Tính đến tháng 6/2017, vốn đầu tư toàn xã hội huy động được 8.900 tỷ đồng/21.000 tỷ đồng, bằng 42% kế hoạch, từ nay đến cuối năm 2017 cần phải huy động được khoảng 12.000 tỷ đồng.

Để huy động đạt mức vốn nêu trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, khu vực tư nhân, Bộ Giao thông vận tải đầu tư, Tổng Công ty Điện lực miền Trung ... đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, trong đó có các dự án lớn như: Mở rộng NMLD Dung Quất, Nhà máy bột giấy VNT 19, Thủy điện Sơn Trà 1 và 2; Thủy điện Đakre; Nhà máy thép Hòa Phát; Khu Công nghiệp đô thị Dung Quất...

II. Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công 7 tháng đầu năm 2017

Tổng kế hoạch vốn năm 2017 và kế hoạch năm 2016 kéo dài là 3.416 tỷ đồng, trong đó:

1. Về giải ngân kế hoạch vốn năm 2017: Tổng kế hoạch vốn là 3.178,075 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 1.048 tỷ đồng, bằng 34% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 1.345 tỷ đồng, bằng 42,3% kế hoạch năm, cụ thể:

(1) Vốn Trung ương là 782,745 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 249,586 tỷ đồng, bằng 32% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 337,556 tỷ đồng, bằng 43% kế hoạch năm.

+ Vốn Chương trình MTQG là 359,612 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 52,703 tỷ đồng, bằng 15% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 75,556 tỷ đồng, bằng 21% kế hoạch năm.

+ Vốn Chương trình mục tiêu là 334,540 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 164,411 tỷ đồng, bằng 49% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 200 tỷ đồng, bằng 60% kế hoạch năm.

+ Vốn ODA là 88,593 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 32,472 tỷ đồng, bằng 37% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 62 tỷ đồng, bằng 70% kế hoạch năm.

(2) Vốn cân đối NSĐP là 2.395,330 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 798,869 tỷ đồng, bằng 33% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 1.007 tỷ đồng, bằng 42% kế hoạch năm.

Trong đó: vốn quỹ đất là 550 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 132,253 tỷ đồng, bằng 24% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 210 tỷ đồng, bằng 38% kế hoạch năm.

2 Về giải ngân kế hoạch vốn năm 2016 được kéo dài sang năm 2017: Tổng kế hoạch vốn được kéo dài là 342,230 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 121,909 tỷ đồng, bằng 36% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 162,5 tỷ đồng, bằng 47% kế hoạch năm, cụ thể:

(1) Vốn Trung ương kéo dài là 102,623 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 19,691 tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 30 tỷ đồng, bằng 29% kế hoạch năm.

+ Vốn Chương trình MTQG là 95,695 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 18,635 tỷ đồng, bằng 18% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 25 tỷ đồng, bằng 26% kế hoạch năm.

+ Vốn Chương trình mục tiêu là 6,928 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 1,056 tỷ đồng, bằng 15% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 05 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch năm.

(2) Vốn cân đối NSĐP kéo dài là 136,231 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 71,671 tỷ đồng, bằng 53% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 90 tỷ đồng, bằng 66% kế hoạch năm.

(3) Vốn trái phiếu Chính phủ kéo dài là 103,376 tỷ đồng, giải ngân đến 30/6/2017 là 30,547 tỷ đồng, bằng 30% kế hoạch năm, đến 31/7/2017 giải ngân là 42,5 tỷ đồng, bằng 41% kế hoạch năm.

(Chi tiết theo phụ lục 1 và 2 đính kèm)

3. Đánh giá kết quả thực hiện và các hạn chế, tồn tại

Nhìn chung, tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển trong 7 tháng đầu năm 2017 đạt thấp (42,3% kế hoạch), nguyên nhân chủ yếu là do các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu trung ương giao vốn chậm[2], một số dự án triển khai chậm do vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Bên cạnh đó, các chủ đầu tư chưa đôn đốc quyết liệt các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, nhất là các dự án chuyển tiếp.

Đối với các dự án khởi công mới, vướng mắc chủ yếu là về cơ chế giải ngân khi phải có quyết định đầu tư trước ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu Chính phủ có giải pháp tháo gỡ cho địa phương cũng như cả nước, áp dụng theo Điều 56 Luật Đầu tư công "dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định", không nhất thiết phải phê duyệt dự án trước 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

4. Các giải pháp để sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công các tháng cuối năm 2017

Các giải pháp thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 5 tháng cuối năm 2017 đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 132/BC-UBND ngày 26/6/2017 về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2017.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, CB-TH;
- Lưu VT, TH (ldvu286)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Trường Thọ

[2] Chương trình MTQG Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017; Chương trình mục tiêu (lần 2) giao tại Quyết định số 612/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017.

Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục I

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 4244/UBND-TH ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình, ngành, lĩnh vực	Tổng số vốn kế hoạch năm 2017 được giao và số vốn kế hoạch năm 2016 kéo dài sang năm 2017 (nếu có)			Kế hoạch năm 2016 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2017 (nếu có)			Kế hoạch năm 2017			Khối lượng thực hiện KH 2017 và KH 2016 kéo dài từ 01/01/2017 đến hết ngày 30/6/2017			Giải ngân KH 2017 và KH 2016 kéo dài từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/6/2017			Khối lượng thực hiện KH 2017 từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/6/2017			Giải ngân KH 2017 từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/6/2017			Nợ xây dựng cơ bản	Khối lượng thực hiện KH 2016 kéo dài (nếu có) từ 01/01/2017 đến hết ngày 30/6/2017			Giải ngân KH 2016 kéo dài (nếu có) từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/6/2017			Ước khối lượng thực hiện KH 2017 và KH 2016 kéo dài từ 01/01/2017 đến ngày 31/7/2017			Ước giải ngân KH 2017 và KH 2016 kéo dài từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/7/2017			Ước khối lượng thực hiện KH 2017 từ 01/01/2017 đến hết ngày 31/7/2017			Ước giải ngân KH 2017 từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/7/2017			Ước khối lượng thực hiện KH 2016 kéo dài từ 01/01/2017 đến ngày 31/7/2017			Ước giải ngân KH 2016 kéo dài từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/7/2017		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
	Tổng số	3.016.959	2.519.136	98.903	138.864	138.864	-	3.178.070	2.980.167	98.903	528.182	493.710	34.472	1.129.017	1.107.145	21.872	795.363	770.891	24.472	1.048.465	1.015.993	32.472		39.879	39.879	-	91.362	91.362	-	1.323.133	1.178.133	62.000	1.498.129	1.433.129	62.000	1.181.553	1.119.553	62.000	1.316.129	1.253.129	62.000	98.200	98.200	-	126.000	126.000	
I	Đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2.531.561	2.531.561	-	136.231	136.231		2.396.330	2.396.330		615.713	615.713	-	878.540	878.540	-	588.487	588.487		798.369	798.369			37.256	37.256		71.471	71.471		946.963	946.963	-	1.097.553	1.097.553	-	911.963	911.963		1.097.553	1.097.553		35.000	35.000		90.000	90.000	
	Trong đó: vốn từ ngân sách trung ương	367.657	367.657	-	17.857	17.857		350.000	350.000		136.857	136.857	-	133.013	133.013	-	125.344	125.344		120.253	120.253			683	683		799	799		179.313	179.313	-	215.000	215.000	-	174.313	174.313		210.000	210.000		5.000	5.000		5.000	5.000	
II	Đầu tư các chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia	485.398	394.775	98.903	102.633	102.633	-	781.740	584.837	98.903	212.469	197.997	34.472	249.477	228.605	21.872	206.876	182.544	24.472	249.096	217.114	32.472		5.653	5.653	-	19.891	19.891	-	376.170	223.220	62.000	401.576	365.576	62.000	270.030	208.030	62.000	207.576	175.576	62.000	13.200	13.200	-	36.000	36.000	
a	Các chương trình mục tiêu quốc gia	453.307	453.307	-	95.495	95.495		359.812	359.812		44.681	44.681	-	71.330	71.330	-	40.064	40.064		32.783	32.783			4.977	4.977		18.615	18.615		54.756	54.756	-	106.856	106.856	-	42.756	42.756		75.556	75.556		12.000	12.000		25.000	25.000	
b	Các chương trình mục tiêu	32.091	341.468	98.903	6.938	6.938		421.928	224.025	98.903	167.788	153.316	34.472	177.146	157.275	21.872	166.812	142.480	24.472	216.313	184.331	32.472		1.676	1.676		1.276	1.276		321.414	168.464	62.000	294.720	258.720	62.000	227.274	165.274	62.000	132.020	100.020	62.000	1.200	1.200		11.000	11.000	

Phụ lục 2

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 4411 /UBND-TH ngày 04 /8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng số vốn kế hoạch năm 2017 được giao và số vốn kế hoạch năm 2016 kéo dài sang năm 2017 (nếu có)		Kế hoạch năm 2017 được cấp có thẩm quyền kéo dài sang năm 2017 (nếu có)		Kế hoạch năm 2017		Khối lượng thực hiện từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017		Giải ngân từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017		Ước khối lượng thực hiện từ ngày 01/01/2017 đến 31/7/2017		Ước giải ngân từ ngày 01/01/2017 đến 31/7/2017		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	*Trong đó: TPCP*	
	Tổng số	**103.376**	**103.376**	**103.376**	**103.376**			**39.099**	**39.099**	**30.547**	**30.547**	**57.500**	**57.500**	**42.500**	**42.500**	
1	Ngành Giao thông	69.468	69.468	69.468	69.468			30.000	30.000	21.448	21.448	40.000	40.000	25.000	25.000	
2	Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên	12.397	12.397	12.397	12.397			6.546	6.546	6.546	6.546	7.500	7.500	7.500	7.500	
3	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	21.511	21.511	21.511	21.511			2.553	2.553	2.553	2.553	10.000	10.000	10.000	10.000	